

Số: 1650 / QĐ-ĐH HHVN

Hải Phòng, ngày 31 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn, giảm học phí kỳ 1 năm học 2018-2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 2136/QĐ-ĐH HHVN ngày 10/10/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường;

Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 về việc Chính phủ ban hành Nghị định quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xét miễn, giảm học phí kỳ 1 năm học 2018-2019 cho 622 sinh viên (có danh sách kèm theo).

Miễn 100% học phí : 490 sinh viên

Giảm 70% học phí : 106 sinh viên

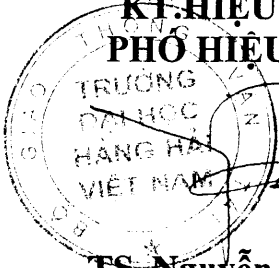
Giảm 50% học phí : 26 sinh viên

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các phòng: TC-HC, Đào tạo, CTSV, KH-TC, Trường CD VMU, cá nhân, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, CTSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Khắc Khiêm

DANH SÁCH SV DIỄN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2017-2018
Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015
(Thông tư số 09/2016/TTLT-BGDDĐT-BTC-BLĐTBXH&Thông tư số 36/2017/TT-BLĐTBXH)

I. Sinh viên hệ Đại học chính quy

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Miễn giảm (%)	Tên đối tượng	Ghi chú
1	51864	Bùi Xuân Vương	CTT55DH1	25.04.1995	100	Con TB (21%-60%)	
2	52105	Vũ Trọng Tuấn	BDA55DH	8.3.1995	100	Con TB 61% trở lên	
3	55346	Vũ Duy Tài	DKT55DH1	30.01.1995	100	Con TB (21%-60%)	
4	55410	Chu Duy Tài	DKT55DH2	04.06.1996	50	Con NTai Nạn lao động	
5	55527	Chu Văn Mơ	DKT55DH4	23.12.1992	100	CNCĐHH2	
6	55651	Vũ Duy Tài	MKT55DH2	20.05.1996	100	Con TB (21%-60%)	
7	56107	Bùi Tuấn Anh	DTD55DH2	13.04.1996	100	Con TB (21%-60%)	
8	56198	Lưu Trung Kiên	DTD55DH3	06.05.1996	50	Con NTai Nạn lao động	
9	56350	Nguyễn Văn Tâm	MTT55DH1	07.09.1996	70	DT Thổ, Thôn ĐBK	
10	56374	Trương Văn Đông	MTT55DH2	18.02.1996	100	Con TB (21%-60%)	
11	56395	Vũ Trần Minh	MTT55DH2	04.04.1996	100	Con TB (21%-60%)	
12	56401	Nguyễn Đức Quý	MTT55DH2	02.01.1995	100	Con TB (21%-60%)	
13	56807	Phùng Như Tiến Đạt	CNT55DH1	09.10.1996	100	Con TB (21%-60%)	
14	57027	Vũ Bích Ngọc	KMT55DH1	5.11.1996	100	Con người NCDHH L2	
15	57148	Nguyễn Văn Thắng	DTT55DH1	23.09.1994	100	Con BB 61% trở lên	
16	57154	Trần Việt Anh	KCK55DH	17.04.1996	100	Con TB 61% trở lên	
17	57159	Phạm Văn Chiến	KCK55DH	02.02.1996	100	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	
18	57292	Vũ Trung Thành	CDT55DH	12.08.1996	100	Con TB (21%-60%)	
19	57420	Nguyễn Duy Khang	KPM55DH1	25.02.1996	100	Con BB 21%-60%	
20	57506	Nguyễn Khắc Thiệp	TTM55DH1	07.05.1992	50	Con người mắc bệnh NN	
21	61819	Lương Văn Hiếu	MKT56DH	12.11.1996	100	DT Thái, Hộ Nghèo	
22	61820	Lương Văn Huân	LHH56DH	10.01.1996	100	DT Tây, Hộ Nghèo	
23	61830	Nguyễn Việt Phương	DKT56DH	21.11.1997	100	Con TB (21%-60%)	
24	62684	Dương Minh Luật	MKT56DH	01.02.1997	100	Con TB (21% -60%)	
25	62952	Đào Đình Kiên	DTD56DH	16.09.1997	100	Con TB (21%-60%)	
26	63010	Nguyễn Văn Trung	DTD56DH	08.09.1997	50	Con NTai Nạn lao động	
27	63294	Đào Quyết Tiến	CTT56DH	07.07.1997	100	Con TB (21% -60%)	
28	63646	Phạm Hữu Linh	CNT56DH	15.12.1997	100	Con TB (21% -60%)	
29	63672	Đỗ Anh Đại	CNT56DH	03.04.1997	100	Con TB (21%-60%)	
30	63849	Đinh Nhật Minh	KCK56DH	15.07.1995	100	Con người NCDHH L2	
31	64078	Quách Vũ Khánh Linh	KPM56DH	07.10.1993	100	Con BB 61% trở lên	
32	64146	Bùi Duy Đạt	TTM56DH	19.03.1997	100	Con BB 61% trở lên	

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Miễn giảm (%)	Tên đối tượng	Ghi chú
33	64165	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	TTM56DH	26.06.1996	100	Con TB 61% trở lên	
34	64528	Nguyễn Duy Ngọc	KNL56DH	21.11.1997	100	Con TB 61% trở lên	
35	64586	Trần Đức Anh	ATM56DH2	01.10.1997	100	Con TB (21%-60%)	
36	64617	Đoàn Linh Trí	ATM56DH2	20.01.1997	100	Con TB (21% -60%)	
37	64649	Trần Thị Phương Thảo	NNA56DH	07.01.1997	100	Con TB (21% -60%)	
38	64656	Phạm Thị Vân	NNA56DH	09.10.1997	100	Con TB (21% -60%)	
39	64832	Trần Đình Định	KTB56DH	27.10.1997	100	Con BB 61% trở lên	
40	64898	Bùi Đình Thắng	KTB56DH	02.10.1997	50	Con người tai nạn lao động	
41	64909	Nguyễn Văn Doanh	KTB56DH	30.04.1995	50	Con người tai nạn lao động	
42	64980	Kim Thị Phương	KTN56DH	28.12.1997	50	Con người tai nạn lao động	
43	65018	Vũ Thị Ngát	KTN56DH	29.11.1997	100	Con TB (21% -60%)	
44	65047	Trịnh Thị Hồng Hạnh	KTN56DH	04.07.1997	100	Con TB 61% trở lên	
45	65111	Dương Thị Hồng Nhung	KTN56DH	11.08.1997	100	Con TB (21% -60%)	
46	65127	Đào Thị Quỳnh Anh	TTM56DH	06.02.1997	50	Con người tai nạn lao động	
47	65210	Nguyễn Thị Thanh Duyên	QKD56DH	21.03.1997	100	Con TB (21% -60%)	
48	65254	Nguyễn Thị Thanh Hà	QKT56DH	26.06.1997	100	Con BB 61% trở lên	
49	65325	Vũ Thị Thu Thủy	QKT56DH	18.03.1997	100	Con TB (21% -60%)	
50	65326	Lê Thị Ngọc Thúy	QKT56DH	24.07.1997	100	Con TB (21% -60%)	
51	65377	Nguyễn Thị Mai Anh	QKT56DH	11.09.1997	50	Con người tai nạn lao động	
52	65493	Đặng Thị Tô Uyên	LQC56DH	13.07.1997	100	Con TB (21% -60%)	
53	66034	Nguyễn Hoàng Cường	DTT56DH	17.03.1997	100	Con TB 61% trở lên	
54	67156	Bùi Hồng Phúc	MKT57DH	26.01.1998	100	Con người NCDHH L2	
55	67247	Dương Tiến Đạt	DTD57DH	08.08.1998	100	Con BB 61% trở lên	
56	67334	Đào Thị Giáng Hương	NNA57DH	06.08.1998	50	Con NTai Nạn laođộng	
57	67439	Đồng Sỹ Huỳnh	KTO57DH	07.04.1998	100	Con TB 61% trở lên	
58	67461	Đàm Thị Thu Duyên	QKT57DH	09.08.1998	100	Con TB 21%-60%	
59	67719	Hoàng Đình Sơn	MKT57DH	13.07.1998	100	Con TB 21%-60%	
60	67723	Hoàng Thị Ngọc Trang	KTN57DH	16.09.1998	100	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	
61	67825	Hoàng Thị Thu Huyền	LHH57DH	30.01.1998	100	Con BB 61% trở lên	
62	67876	Hoàng Ngọc Thanh	TTM57DH	11.04.1998	50	Con NTai Nạn laođộng	
63	67898	Hồ Hiếu Phúc	DTT57DH	05.11.1998	100	Con TB 61% trở lên	
64	68057	Lưu Thị Bích Ngọc	KTN57DH	01.01.1997	100	DT Nùng, Hộ Cận Nghèo	
65	68245	Lê Quốc Oai	MTT57DH	26.01.1998	50	Con NTai Nạn laođộng	
66	68317	Mai Ngọc Anh	BDA57DH	21.03.1998	100	Con TB 21%-60%	
67	68319	Mai Anh Quân	KCK57DH	20.07.1998	100	Con TB 21%-60%	
68	68434	Nguyễn Thị Kiều Ngân	KTN57DH	24.01.1998	100	Con TB 21%-60%	
69	68462	Ngô Minh Hoàng	XDD57DH	22.02.1998	100	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	
70	68653	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	QKT57DH	15.08.1998	100	Con TB 21%-60%	
71	68703	Nguyễn Thị Phương Anh	LQC57DH	03.05.1998	100	Con BB 61% trở lên	

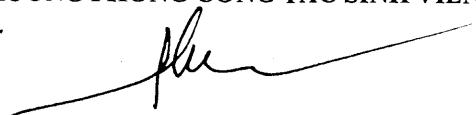
STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Miễn giảm (%)	Tên đối tượng	Ghi chú
72	68836	Nguyễn Việt Hà	CDT57DH	30.10.1998	100	Con TB 21%-60%	
73	68845	Ngô Thị Hải Yến	QKD57DH	31.12.1998	100	Con TB 21%-60%	
74	68953	Nguyễn Đức Anh Thái	TDH57DH	15.04.1998	50	Con NTai Nạn lao động	
75	68959	Nguyễn Thị Trang	QKT57DH	21.05.1999	100	Con TB 21%-60%	
76	69123	Nguyễn Tiến Dũng	XDD57DH	17.08.1998	100	Con TB 21%-60%	
77	69168	Ngôn Văn Dũng	KCK57DH	15.05.1998	100	DT Nùng, Hộ cận nghèo	
78	69176	Nguyễn Bình Đô	KNL57DH	05.05.1998	100	Con TB 61% trở lên	
79	69193	Nguyễn Thu Huyền	LHH57DH	15.01.1998	100	Con TB 61% trở lên	
80	69231	Nguyễn Hoàng Duy Quang	KCK57DH	14.11.1998	100	Con TB 21%-60%	
81	69236	Nguyễn Tấn Sang	KCK57DH	23.10.1998	50	Con NTai Nạn lao động	
82	69374	Nguyễn Lương Hưng	MKT57DH	09.08.1998	100	Con TB 21%-60%	
83	69651	Phạm Thị Huế	QKT57DH	27.02.1997	100	Con BB 61% trở lên	
84	69780	Phan Hoài Nam	KHD57DH	18.06.1998	70	DT Thái, Thôn ĐBK	
85	69959	Tạ Thị Hà Phương	KTN57DH	17.10.1998	100	Con BB 61% trở lên	
86	68851	Nguyễn Vũ Mai Linh	KTT57DH	15.04.1998	100	Con TB 21%-60%	
87	70616	Nguyễn Văn Hoạt	TDH57DH	02.10.1998	100	DT Phén, Hộ cận nghèo	
88	70030	Trần Việt Đức	DKT57DH	10.08.1995	100	Con TB 21%-60%	
89	70052	Trần Thị Liên	QKT57DH	29.03.1998	100	Con TB 21%-60%	
90	70104	Trần Đức Lương	KTO57DH	27.05.1998	100	Con BB 61% trở lên	
91	70275	Vũ Thành Công	DKT57DH	09.09.1997	100	CNTB từ 21%- 60%	
92	70361	Vũ Thị Thái Thảo	QKT57DH	12.05.1998	100	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	
93	70457	Vũ Huy Hoàng	TDH57DH	11.09.1998	100	Con TB 21%-60%	
94	70546	Vũ Thái Ninh	DTT57DH	02.11.1998	100	Con BB 61% trở lên	
95	70637	Nguyễn Hữu Dương	MKT57DH	10.04.1998	100	CMC mẹ, cha hưởng trợ cấp	
96	56006	Nguyễn Minh Hiếu	MKT55DH2	10.12.1996	100	Con TB 21%-60%	
97	57113	Nguyễn Thị Thu Trang	KMT55DH2	04.11.1996	100	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	
98	73604	Hoàng Thị Thu Hằng	QKT58DH	01.01.1999	100	Con TB 21%-60%	
99	74687	Nguyễn Thị Mai Phương	QKT58DH	21.10.1999	100	Con người NCĐHH L2	
100	74089	Ngô Hải Bình	QKT58DH	13.07.1999	100	Con TB 21%-60%	
101	73032	Bùi Thu Hà	TCH58DH	06.05.1999	100	Con TB 61% trở lên	
102	75409	Trần Lê Quỳnh Anh	KTN58DH	18.10.1999	100	Con TB 21%-60%	
103	75428	Trần Xuân Bách	KTN58DH	27.10.1999	50	Con người mắc bệnh N.nghiệp	
104	74243	Nguyễn Hồng Giang	KTN58DH	09.06.1999	100	Con BB 61% trở lên	
105	75353	Phạm Thanh Tùng	CNT58DH	21.09.1999	100	Con TB 21%-60%	
106	74255	Nguyễn Hải Hà	KCK58DH	30.12.1999	100	Con TB 21%-60%	
107	75830	Vũ Công Dụng	CĐT58DH	20.03.1999	100	Con TB 21%-60%	
108	73970	Lương Xuân Vũ	KTO58DH	22.06.1999	100	Con TB 21%-60%	
109	76004	Vũ Xuân Thái	KTO58DH	24.02.1999	100	Con BB 61% trở lên	
110	75624	Trần Hồng Minh	KTO58DH	02.05.1999	100	Con TB 21%-60%	
111	75943	Vũ Tấn Minh	ĐTT58DH	04.02.1999	100	Con TB 21%-60%	

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Miễn giảm (%)	Tên đối tượng	Ghi chú
112	74400	Nguyễn Tiến Huy	TĐH58ĐH	18.11.1999	100	Con BB 61% trở lên	
113	75762	Trần Minh Trí	TĐH58ĐH	08.02.1996	100	Con TB 21%-60%	
114	74904	Nguyễn Bảo Tuấn	XDD58ĐH	05.08.1999	100	Con TB 21%-60%	
115	74946	Nguyễn Đức Việt	CTT58ĐH	20.07.1997	100	Con BB 61% trở lên	
116	73321	Đỗ Minh Hiếu	BĐA58ĐH	27.11.1998	100	Con TB 21%-60%	
117	74439	Nguyễn Thị Thu Hương	KTĐ58ĐH	11.11.1999	100	Con TB 21%-60%	
118	74714	Nguyễn Đức Quyền	LQC58ĐH	03.12.1999	100	Con TB 21%-60%	
119	73210	Đào Phúc Anh	LQC58ĐH	18.10.1999	100	Con BB 61% trở lên	
120	75477	Trần Văn Định	MKT58ĐH	20.01.1999	100	Con TB 21%-60%	
121	70488	Vũ Quốc Vũ	DTV57ĐH	05.05.1998	100	Con BB 61% trở lên	Con nuôi
122	68766	Nguyễn Quang Nam	KCK57ĐH	29.09.1998	100	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	
123	75106	Phạm Thị Sóng Hồng	LQC58ĐH	02.11.1999	100	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	
124	77690	Hoàng Xuân Đức	KTĐ59ĐH	29.02.2000	100	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	
125	77933	Nguyễn Thị Hiền	LQC59ĐH	25.02.2000	100	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	
126	77397	Hoàng Thị Diễm	ATM59ĐH	10.08.2000	70	DT Tày, Thôn ĐBK	
127	78696	Trịnh Thị Ái Linh	BĐA59ĐH	14.07.2000	100	Con TB 21%-60%	Con nuôi
128	79113	Nguyễn Phương Nam	CĐT59ĐH	17.02.2000	100	Con TB 21%-60%	Con nuôi
129	79114	Nguyễn Phương Nam	CĐT59ĐH	25.07.2000	100	Con TB 21%-60%	Con nuôi
130	77978	Phạm Hào Hiệp	ĐKT59ĐH	12.12.2000	100	Con BB 61% trở lên	
131	78141	Nguyễn Việt Hoàng	ĐTĐ59ĐH	20.08.2000	100	Con TB 21%-60%	
132	78194	Vũ Thị Minh Huệ	KMT59ĐH	28.03.2000	100	Con BB 61% trở lên	
133	77827	Nguyễn Đức Hải	KPM59ĐH	18.11.2000	100	Con TB 21%-60%	
134	79933	Nguyễn Thị Phương Thoa	LQC59ĐH	23.10.2000	100	Con TB 21%-60%	
135	78776	Ngô Thăng Long	LQC59ĐH	21.07.2000	100	Con TB 61% trở lên	
136	79397	Lê Trọng Phúc	MKT59ĐH	24.08.2000	100	Con TB 21%-60%	
137	78849	Phạm Xuân Hoàng Long	NNA59ĐH	13.02.2000	100	Con BB 61% trở lên	
138	80356	Lương Thị Nhị Vân	QKT59ĐH	21.12.2000	100	Con TB 61% trở lên	
139	78110	Đỗ Kim Hoàng	TĐH59ĐH	12.07.2000	100	Con TB 61% trở lên	
140	78149	Phạm Phú Hoàng	TTM59ĐH	24.05.2000	100	Con TB 21%-60%	
141	80445	Trương Minh Vũ	ĐKT59ĐH	12.06.2000	50	Con NTai Nạn lao động	
142	79277	Vũ Đức Nhật	TĐH59ĐH	15.04.2000	50	Con người mắc bệnh N. nghiệp	
143	77399	Trần Thị Diễm	KTT59ĐH	29.03.2000	50	Con NTai Nạn lao động	
144	77831	Nguyễn Thanh Hải	KTN59ĐH	01.06.2000	50	Con người mắc bệnh N. nghiệp	

Hải Phòng, Ngày 31/10/2018

TL. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN



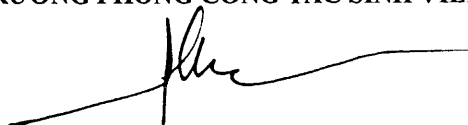
Th.S Trương Công Mỹ

II. Sinh viên Đại học Viện Đào tạo chất lượng cao

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Miễn giảm (%)	Tên đối tượng	Ghi chú
1	65640	Phạm Quang Huy	KTB56CL	29.07.1997	100	Con TB (21%-60%)	
2	67712	Đào Mạnh Vinh	DTD57CL	24.01.1998	100	Con TB 21%-60%	
3	69562	Phan Hải Nam	KTN57CL	16.03.1998	100	Con TB 21%-60%	
4	70049	Trịnh Hoàng Hải	KTB57CL	24.11.1998	100	Con TB 21%-60%	
5	73791	Lê Thị Thanh Hà	KTN58CL	11.10.1999	50	Con NTai Nạn laođộng	
6	73812	Lưu Quốc Hiệu	KTB58CL	26.09.1999	100	Con TB 21%-60%	
7	79711	Đoàn Văn Thái	CNT59CL	14.5.2000	100	Con BB 21%-60%	
8	77414	Phạm Khắc Duẩn	CNT59CL	09.07.2000	50	Con NTai Nạn laođộng	
9	78837	Phạm Hải Long	KTN59CL	14.03.2000	100	Con TB 21%-60%	

Hải Phòng, Ngày 31/10/2018

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN



Th.S Trương Công Mỹ

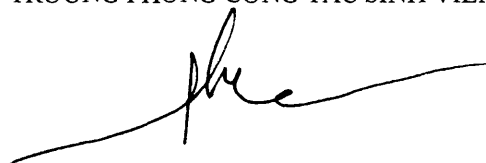
III. Sinh viên Viện Đào tạo Quốc tế

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Miễn giảm (%)	Tên đối tượng	Ghi chú
1	61869	Nguyễn Thu Nga	12.11.1996	IBL0501	100	Con TB (21%-60%)	
2	65910	Trần Hoài Nam	22.05.1997	IBL0602	50	Con người bị TNLĐ	
3	62043	Đoàn Thị Hạnh	13.07.1997	IBL0601	100	Con TB (21%-60%)	
4	58694	Bùi Minh Đức	27.11.1996	IBL0602	100	DT Mường, hộ nghèo	
5	71083	Nguyễn Thị Kim Anh	10.05.1998	IBL07	100	Con TB (21%-60%)	
6	76340	Vũ Hải Yến	09.09.1999	IBL08	50	Con người bị TNLĐ	
7	76138	Hoàng Thùy Dung	28.03.1999	IBL08	50	Con người bị TNLĐ	
8	76261	Phạm Hồng Hạnh	04.04.1999	BMM08	100	Con TB (21%-60%)	
9	79060	Nguyễn Thị Thủy Mơ	23.10.2000	IBL09	100	Con TB (21%-60%)	

Hải Phòng, Ngày 31/10/2018

TL. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN



Th.S Trương Công Mỹ

IV. Sinh viên trường Cao đẳng VMU

TT	MÃ HSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TÊN ĐỐI TƯỢNG	Miễn giảm (%)	GHI CHÚ
CAO ĐẲNG K57							
1	62808	Bùi Đình Minh	24/05/1997	ĐTB57-CD	Con TB (21%-60%)	100	
2	68267	Lương Văn Giang	20/12/1998	ĐKT57CD	Con TB (21%-60%)	100	
3	69334	Nguyễn Ngọc Trà	21/07/1998	ĐKT57CD	Mồ côi cả cha lẫn mẹ	100	
CAO ĐẲNG K58							
4	68278	Lã Thị Thái Hà	17/10/1998	QKT57CD	Con tai nạn lao động	50	
5	65242	Nguyễn Huy Văn	07/05/1997	KTb58CD	Con TB (21%-60%)	100	
6	9899	Trần Đức Lương	04/11/1999	KTb58CD	Con TNLD (41%)	50	
7	9940	Nguyễn Văn Huy	08/11/1999	ĐCN58CD	Con BB (61%)	100	
8	9800	Nguyễn Văn Ban	23/12/1994	MKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
9	9909	Phạm Ngọc Đạt	28/01/1999	MKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
10	63065	Lê Đình Đạt	15/02/1997	MKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
11	9870	Nguyễn Đức Hải	09/12/1999	MKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
12	9842	Tạ Duy Hiếu	24/03/1998	MKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
13	9931	Lương Tú Anh Linh	12/06/1998	MKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
14	9925	Lê Việt Mạnh	07/04/1998	MKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
15	9855	Hoàng Văn Thắng	28/09/1999	MKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
16	9867	Lê Thanh Thắng	30/04/1999	MKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
17	9874	Cao Thế Việt	01/11/1999	MKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
18	9912	Nguyễn Hải Đăng	26/07/1999	MKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
19	67662	Đoàn Văn Tiến	15/02/1997	MKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
20	62635	Nguyễn Trọng Khánh	02/08/1997	MKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
21	9917	Nguyễn Quang Anh	21/10/1999	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
22	9920	Đặng Tiến Anh	06/02/1999	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
23	9934	Nguyễn Phú Biên	10/07/1999	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
24	9880	Nguyễn Đức Cường	04/06/1999	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
25	9831	Nguyễn Duy Đạt	15/05/1999	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
26	9935	Lê Đình Đức	24/03/1998	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
27	9868	Nguyễn Văn Dũng	04/03/1999	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
28	9877	Lại Công Hải	20/10/1997	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
29	9933	Phạm Văn Hải	26/06/1997	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
30	9815	Vũ Văn Hậu	24/02/1999	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
31	9849	Nguyễn Hoàng Hiệp	14/10/1999	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
32	9866	Nguyễn Văn Khiêm	03/01/1999	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
33	9853	Nguyễn Thanh Lịch	03/01/1998	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
34	9897	Nguyễn Hải Long	01/08/1999	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
35	9882	Nguyễn Văn Lượng	29/01/1999	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
36	9922	Phạm Hoài Nam	18/12/1999	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
37	68253	Lê Anh Nhất	18/12/1999	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
38	9818	Trần Văn Phát	03/09/1995	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
39	9808	Lưu Trần Phong	29/01/1999	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
40	9936	Đặng Phạm Kiên Quyết	31/12/1999	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
41	9898	Lưu Văn Sơn	11/12/1996	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
42	9910	Ngô Mạnh Thắng	03/09/1999	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
43	9928	Đoàn Văn Thành	16/03/1999	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
44	9801	Phạm Viết Thuyết	22/10/1996	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	

TT	MÃ HSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TÊN ĐỐI TƯỢNG	Miễn giảm (%)	GHI CHÚ
45	9929	Bùi Xuân Tường	01/03/1996	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
46	9816	Phạm Quốc Tuyển	28/01/1999	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
47	70255	Trần Nhật Cường	02/09/1997	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
48	69890	Trương Quang Huy	01/07/1998	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
49	55320	Nguyễn Đức Huy	12/11/1996	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
50	57392	Đinh Hồng Sơn	22/12/1996	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
51	70150	Thái Doãn Ngọc	20/07/1998	ĐKT58CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
CAO ĐẲNG K59							
52	59085	Đinh Hoàng Đạt	20/10/2000	CNO59CD	Mồ côi cả cha lẫn mẹ	100	
53	59120	Nguyễn Thị Phương Thảo	10/09/2000	QKD59CD	Con TB 81%	100	
54	59007	Hoàng Xuân Công	16/10/2000	MKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
55	59005	Đàm Xuân Đạt	01/01/2000	MKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
56	59039	Hà Đức Định	09/12/2000	MKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
57	59103	Phạm Tuấn Dương	31/07/2000	MKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
58	59184	Chu Hữu Duy	21/02/2000	MKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
59	59009	Trần Đức Hiếu	16/01/2000	MKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
60	59122	Phạm Văn Hòa	17/10/1999	MKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
61	59011	Dương Ngọc Khôi	04/06/2000	MKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
62	59149	Nguyễn Công Minh	21/04/2000	MKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
63	59021	Hoàng Anh Quân	20/02/2000	MKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
64	59111	Phan Hồng Quân	27/04/1999	MKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
65	59010	Phạm Đức Thiện	16/07/2000	MKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
66	59247	Hoàng Dương Trường	07/03/2000	MKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
67	59171	Trần Văn Xuân	25/10/2000	MKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
68	59008	Phạm Quốc Bảo	22/08/1999	ĐKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
69	59081	Phạm Ngọc Chiến	18/01/1997	ĐKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
70	59202	Nguyễn Quang Chiến	18/02/2000	ĐKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
71	59138	Tạ Đình Cường	14/03/2000	ĐKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
72	59019	Đỗ Văn Đạt	16/02/2000	ĐKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
73	59116	Đoàn Hồng Đạt	22/08/2000	ĐKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
74	59216	Nguyễn Tiến Đạt	06/10/1999	ĐKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
75	59079	Nguyễn Thiết Doanh	19/07/2000	ĐKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
76	59228	Mai Công Đức	11/09/2000	ĐKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
77	59059	Lương Công Dương	16/10/2000	ĐKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
78	59017	Bùi Thanh Hải	23/3/1999	ĐKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
79	59183	Phạm Văn Hiến	03/10/2000	ĐKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
80	59087	Phạm Thế Hiếu	27/07/2000	ĐKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
81	59098	Lương Trung Hiếu	16-04-1999	ĐKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
82	59022	Nguyễn Huy Hoàng	06/08/2000	ĐKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
83	59033	Tạ Ngọc Hoạt	17/12/2000	ĐKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
84	59004	Nguyễn Quang Hưng	18/06/2000	ĐKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
85	59018	Vũ Đức Long	30/12/2000	ĐKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
86	59099	Nguyễn Đức Long	10/11/2000	ĐKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
87	59041	Nguyễn Đức Nam	25/10/1999	ĐKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
88	59086	Nguyễn Anh Quân	01/09/2000	ĐKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
89	59049	Và Hồng Sơn	19/08/2000	ĐKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
90	59052	Sông A Thái	16/10/1998	ĐKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
91	59026	Ngô Văn Thanh	06/12/2000	ĐKT59CD	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	

TT	MÃ HSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TÊN ĐỐI TƯỢNG	Miễn giảm (%)	GHI CHÚ
92	59036	Trần Trung Thành	18/11/2000	ĐKT59CĐ	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
93	59145	Ninh Văn Thành	29/10/2000	ĐKT59CĐ	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
94	59128	Phạm Xuân Thế	13/10/2000	ĐKT59CĐ	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
95	59006	Ngô Duy Thuận	21/05/2000	ĐKT59CĐ	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
96	59091	Ngô Thành Tiến	07/04/2000	ĐKT59CĐ	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
97	59201	Nguyễn Mạnh Trường	02/08/2000	ĐKT59CĐ	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
98	59080	Cao Đức Vĩnh	01/01/2000	ĐKT59CĐ	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
99	59043	Tòng Thị Linh	20/12/2000	QKT59CĐ	SV người DT thiểu số ĐBKK	70	
100	59045	Lò Thị Nương	07/09/2000	QKT59CĐ	SV người DT thiểu số ĐBKK	70	
101	59048	Hà Long Vũ	13/03/2000	CNO59CĐ	SV người DT thiểu số ĐBKK	70	
102	59042	Tòng Thị Xuân	20/09/2000	QKT59CĐ	SV người DT thiểu số ĐBKK	70	
103	59047	Lường Văn Xuân	12/04/2000	CNO59CĐ	SV người DT thiểu số ĐBKK	70	
104	59054	Vì Văn Xuân	03/03/2000	CNO59CĐ	SV người DT thiểu số ĐBKK	70	
105	59223	Bùi Thành Đôn	02/01/2000	CNO59CĐ	SV người DT thiểu số ĐBKK	70	

KHÓA 14

106	14185	Cao Hoàng Hải	11/03/2003	MKT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
107	14182	Đỗ Xuân Dũng	19/08/2003	ĐKT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
108	14186	Bùi Trung Hiếu	26/11/2003	ĐKT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
109	14146	Vũ Đức Việt	13/04/2003	ĐKT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
110	14178	Nguyễn Tiến Hoàng Anh	21/12/2003	CNO14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
111	14165	Vũ Quốc Đạt	21/12/2003	CNO14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
112	14187	Nguyễn Tấn Doanh	05/08/2003	CNO14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
113	14159	Nguyễn Văn Giang	06/02/2003	CNO14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
114	14143	Bùi Đắc Lộc	12/12/2003	CNO14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
115	14157	Vũ Bình Minh	26/11/2003	CNO14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
116	14156	Triệu Tiến Phát	16/06/2003	CNO14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
117	14167	Lê Quang Thanh	28/09/2002	CNO14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
118	14162	Đặng Đình Tùng	26/11/2003	CNO14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
119	14163	Nguyễn Vương Anh	05/08/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
120	14166	Nguyễn Tuấn Anh	22/12/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
121	14172	Lê Việt Anh	09/10/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
122	14191	Phùng Đức Cường	18/01/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
123	14147	Ngô Tùng Dương	27/08/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
124	14183	Vũ Quang Hiếu	26/09/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
125	14176	Lê Đức Hoàng	07/11/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
126	14179	Lê Trọng Khanh	07/12/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
127	14177	Ngô Quốc Khánh	02/08/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
128	14142	Nguyễn Hoàng Lân	11.03.2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
129	14170	Võ Đại Lộc	20/04/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
130	14164	Trần Thanh Phong	04/04/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
131	14161	Đinh Hồng Thái	16/03/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
132	14173	Đỗ Quang Thông	11/05/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
133	14150	Đào Ngọc Tới	15/04/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
134	14190	Lã Thị Quỳnh Anh	04/07/2002	KTD14T-1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
135	14188	Nguyễn Phương Dung	27/01/2003	KTD14T-1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
136	14160	Nguyễn Thanh Hoài	05/03/2003	KTD14T-1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
137	14153	Dương Thị Sông Hồng	21/09/2003	KTD14T-1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
138	14181	Phạm Thùy Linh	02/07/2003	KTD14T-1	TN THCS học trung cấp nghề	100	

TT	MÃ HSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TÊN ĐỐI TƯỢNG	Miễn giảm (%)	GHI CHÚ
139	14184	Nguyễn Thị Hà Linh	15/06/2001	KTD14T-1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
140	14168	Đỗ Thị Ngọc	31/08/2003	KTD14T-1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
141	14145	Vũ Thu Trang	17/09/2003	KTD14T-1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
142	14140	Phạm Tuấn Anh	29/10/2003	ĐCN14T-1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
143	14158	Lê Tất Thành Dương	23/11/2002	ĐCN14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
144	14154	Lương Quốc Khánh Duy	02/09/2003	ĐCN14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
145	14148	Nguyễn Tiến Hiếu	22/12/2003	ĐCN14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
146	14152	Phùng Quang Hiếu	09/03/2003	ĐCN14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
147	14174	Vũ Huy Hoàng	21/07/2003	ĐCN14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
148	14151	Lê Thành Long	14/10/2003	ĐCN14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
149	14155	Bùi Thanh Long	25/08/2001	ĐCN14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
150	14169	Nguyễn Minh Quang	04/10/2003	ĐCN14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
151	14180	Dương Đình Minh Quang	22/09/2003	ĐCN14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
152	14141	Đặng Đình Quý	12/12/2003	ĐCN14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
153	14149	Lê Ngọc Sơn	03/11/2003	ĐCN14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
154	14175	Nguyễn Đức Thắng	08/08/2003	ĐCN14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
155	14171	Nguyễn Văn Trọng	03/11/2003	ĐCN14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
156	14189	Bùi Quang Trường	27/02/2003	ĐCN14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
157	14144	Phạm Anh Tuấn	05/05/2003	ĐCN14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
158	14067	Lưu Thị Mai Chi	08/09/2003	KTD14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
159	14114	Nguyễn Quỳnh Diệp	07/01/2003	KTD14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
160	14069	Bùi Thị Hoài	04/01/2003	KTD14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
161	14060	Bùi Thị Ngọc Lan	16/08/2003	KTD14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
162	14055	Đặng Thùy Linh	09/05/2003	KTD14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
163	14066	Hà Hoa Ngọc	30/11/2003	KTD14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
164	14117	Đỗ Thị Ánh Nguyệt	02/02/2003	KTD14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
165	14032	Vũ Thị Thùy Ninh	06/05/2003	KTD14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
166	14110	Lê Thị Thu Thanh	28/08/2003	KTD14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
167	14046	Vũ Thu Thùy	17/06/2003	KTD14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
168	14109	Vũ Ngọc Yên	05/06/2003	KTD14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
169	14136	Nguyễn Thị Phương Thảo	25/07/2003	KTD14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
170	9640	Nguyễn Thị Phương Lan	05/09/2002	KTD14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
171	14121	Nguyễn Hữu Đăng	03/03/2003	HAN14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
172	14098	Nguyễn Tiến Đạt	24/12/2003	HAN14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
173	14120	Phùng Văn Thương	04/06/2003	HAN14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
174	14047	Phan Văn Toàn	25/11/2003	HAN14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
175	14070	Trần Thị Vân Anh	14/11/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
176	14122	Đỗ Thế Anh	27/09/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
177	14059	Nguyễn Đức Bình	22/04/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
178	14089	Nguyễn Hữu Cường	05/07/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
179	14045	Vũ Trường Giang	06/08/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
180	14099	Trịnh Hương Giang	06/12/2002	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
181	14071	Nguyễn Đức Hải	23/11/2002	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
182	14087	Phạm Nho Hoàng	23/01/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
183	14048	Trương Thị Minh Huyền	13/08/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
184	14080	Nguyễn Trần Khánh	25/05/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
185	14079	Đào Trọng Minh	23/01/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
186	14001	Nguyễn Thành Nam	04/04/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	

TT	MÃ HSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TÊN ĐỐI TƯỢNG	Miễn giảm (%)	GHI CHÚ
187	14020	Đỗ Duy Nhật	13/01/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
188	14019	Nguyễn Thị Thu Thảo	19/07/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
189	14072	Phạm Thị Trang	19/03/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
190	14038	Nguyễn Đình Văn	19/01/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
191	14058	Nguyễn Trọng Vũ	02/12/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
192	14064	Nguyễn Thị Như	12/08/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
193	14081	Nguyễn Văn Quân	02/11/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
194	14068	Lê Thị Trang	29/04/2003	CNT14T	TN THCS học trung cấp nghề	100	
195	14144	Đỗ Thị Minh Anh	23/02/2003	CNT14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
196	14145	Nguyễn Tuấn Anh	25/05/2003	CNT14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
197	14146	Nguyễn Văn Anh	29/09/2003	CNT14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
198	14147	Trần Hoàng Anh	31/08/2003	CNT14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
199	14148	Vũ Thị Vân Anh	08/11/2003	CNT14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
200	14149	Đỗ Kiều Chinh	28/05/2003	CNT14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
201	14150	Nguyễn Văn Cường	21/04/2003	CNT14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
202	14151	Đỗ Trọng Hiếu	28/10/2003	CNT14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
203	14152	Nguyễn Khánh Hòa	23/04/2003	CNT14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
204	14153	Giang Thế Hoàng	06/04/2002	CNT14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
205	14154	Trần Ánh Hồng	13/03/2002	CNT14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
206	14155	Nguyễn Quang Huy	29/01/2003	CNT14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
207	14156	Lưu Thị Huyền	18/08/2003	CNT14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
208	14157	Trần Ngọc Lâm	06/05/2002	CNT14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
209	14158	Lê Bách Minh	10/11/2003	CNT14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
210	14159	Nguyễn Tuấn Minh	19/08/2003	CNT14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
211	14160	Vũ Thị Xuân Mơ	01/01/2003	CNT14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
212	14161	Nguyễn Thị Ngân	30/03/2003	CNT14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
213	14162	Phạm Thị Thúy Phương	04/01/2003	CNT14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
214	14163	Đoàn Thị Như Quỳnh	02/10/2003	CNT14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
215	14164	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	29/10/2003	CNT14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
216	14165	Lê Bách Trường	26/04/2003	CNT14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
217	14166	Lê Thị Anh Tú	14/10/2002	CNT14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
218	14167	Bùi Xuân Tùng	01/03/2002	CNT14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
219	14168	Nguyễn Mạnh Vũ	26/09/2003	CNT14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
220	14039	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	15/05/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
221	14097	Trần Tuấn Anh	29/11/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
222	14133	Nguyễn Thiên Bảo	01/03/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
223	14116	Nguyễn Quốc Chung	29/10/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
224	14063	Nguyễn Hoàng Cường	19/09/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
225	14135	Nguyễn Quang Đạt	21/02/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
226	14049	Bùi Văn Đức	09/09/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
227	14094	Lê Quang Đức	17/09/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
228	14124	Đỗ Ngọc Đức	02/07/2002	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
229	14126	Nguyễn Thế Dũng	07/11/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
230	14095	Nguyễn Văn Dương	29/11/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
231	14129	Nguyễn Bình Dương	11/11/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
232	14007	Vũ Văn Duy	19/12/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
233	14052	Nguyễn Văn Duy	07/06/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
234	14011	Nguyễn Đăng Hải	21/12/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	

TT	MÃ HSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TÊN ĐỐI TƯỢNG	Miễn giảm (%)	GHI CHÚ
235	14009	Phạm Đức Hiếu	14/05/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
236	14100	Lê Quang Hiếu	25/07/2002	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
237	14086	Nguyễn Tuấn Hòa	04/12/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
238	14042	Nguyễn Anh Hoàng	05/08/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
239	14062	Nguyễn Huy Hoàng	13/02/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
240	14115	Đổng Đức Hoàng	09/07/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
241	14134	Lê Huy Hoàng	06/02/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
242	14057	Mai Đức Hùng	23/02/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
243	14090	Trịnh Văn Hùng	10/07/2002	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
244	14040	Đổng Thị Hương	04/08/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
245	14008	Lê Quốc Huy	16/12/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
246	14014	Lâm Quang Huy	11/03/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
247	14132	Phạm Quốc Huy	26/11/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
248	14092	Đặng Quang Khải	07/10/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
249	14010	Lê Văn Kỳ	02/04/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
250	14002	Nguyễn Đình Lâm	12/10/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
251	14037	Bùi Thị Kim Liên	30/09/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
252	14003	Lê Công Long	26/04/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
253	14004	Vũ Doãn Long	25/02/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
254	14061	Trịnh Văn Long	24/06/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
255	14096	Nguyễn Nhất Long	23/08/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
256	14035	Lê Hiền Mai	11/03/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
257	14025	Nguyễn Đức Mạnh	25/05/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
258	14006	Lê Công Nam	31/05/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
259	14036	Trương Thị Ngân	31/10/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
260	14051	Nguyễn Văn Nguyên	17/12/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
261	14034	Chu Thị Nhung	28/09/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
262	14091	Lưu Anh Quân	26/11/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
263	14111	Nguyễn Văn Thái	08/09/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
264	14053	Nguyễn Văn Thành	02/06/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
265	14050	Trần Hữu Thiện	23/11/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
266	14023	Nguyễn Đăng Thuận	17/09/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
267	14012	Trương Minh Tiến	05/09/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
268	14056	Đào Văn Tiến	18/10/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
269	14030	Nguyễn Xuân Trường	26/09/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
270	14137	Nguyễn Văn Dũng	18/10/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
271	14143	Nguyễn Doãn Hiếu	22/07/2003	ĐCN14T1	TN THCS học trung cấp nghề	100	
272	14021	Chu Đức Anh	10/09/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
273	14118	Trần Việt Anh	11/04/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
274	14015	Nguyễn Minh Bách	03/02/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
275	14073	Phạm Hữu Chí	30/10/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
276	14130	Nguyễn Quốc Công	22/01/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
277	14119	Đặng Thành Công	22/08/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
278	14041	Nguyễn Tất Đức	17/12/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
279	14017	Cáp Trọng Đạt	15/04/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
280	14026	Phạm Văn Đức	21/11/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
281	14107	Đổng Đức Duy	17/10/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
282	14128	Chu Đức Duy	07/01/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	

TT	MÃ HSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TÊN ĐỐI TƯỢNG	Miễn giảm (%)	GHI CHÚ
283	14018	Đinh Văn Giang	13/06/2002	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
284	14033	Nguyễn Huy Hà	24/12/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
285	14101	Đổng Đức Hải	08/09/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
286	14139	Phạm Văn Hải	01/09/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
287	14027	Nguyễn Đức Hải	15/11/2002	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
288	14076	Mai Trung Hiền	01/08/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
289	14082	Lê Trung Hiếu	06/07/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
290	14043	Mai Trọng Hiếu	08/02/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
291	14106	Nguyễn Huy Hoàng	03/09/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
292	14105	Vũ Sinh Hùng	20/09/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
293	14125	Đặng Mạnh Khởi	04/07/2002	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
294	14084	Hà Trung Kiên	15/12/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
295	14123	Nguyễn Văn Linh	21/02/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
296	14113	Nguyễn Thế Minh	14/10/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
297	14044	Đào Văn Tuấn Minh	13/06/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
298	14127	Trương Thị Kim Ngân	30/09/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
299	14078	Lê Ngọc Phi	19/06/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
300	14088	Vũ Thanh Phong	25/05/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
301	14065	Nguyễn Bích Phượng	04/12/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
302	14016	Nguyễn Minh Quý	28/06/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
303	14075	Phạm Khắc Quyết	31/01/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
304	14102	Nguyễn Thị Diệu Quỳnh	19/02/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
305	14083	Vũ Quang Sơn	13/04/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
306	14104	Bùi Bá Sơn	30/10/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
307	14028	Nguyễn Kỳ Sơn	14/06/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
308	14024	Bùi Quang Thái	16/02/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
309	14103	Lê Phương Thảo	06/09/2002	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
310	14029	Lê Văn Thịnh	04/11/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
311	14108	Hà Đức Thoại	17/03/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
312	14074	Phạm Thị Thanh Thúy	29/09/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
313	14031	Lê Văn Tiến	26/11/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
314	14022	Bùi Thu Trang	16/11/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
315	14077	Phan Thanh Trọng	12/03/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
316	14140	Đinh Công Tuấn	27/09/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
317	14141	Vũ Văn Vĩ	09/06/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	
318	14142	Phạm Hải Vương	25/11/2003	ĐCN14T2	TN THCS học trung cấp nghề	100	

KHÓA 13

319	9672	Bùi Phạm Đức Anh	03/12/2002	ĐCN13T-36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
320	9673	Hoàng Ngọc Long	12/12/2000	ĐCN13T-36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
321	9657	Trần Phương Lam Anh	06/08/2002	ĐCN13T-36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
322	9656	Đỗ Thế Chiến	24/09/2002	ĐCN13T-36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
323	9662	Vũ Trung Đức	28/10/2002	ĐCN13T-36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
324	9668	Hoàng Tuấn Dương	13/09/2002	ĐCN13T-36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
325	9666	Nguyễn Văn Hải	05/05/2002	ĐCN13T-36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
326	9661	Bùi Đức Hiếu	21/07/2002	ĐCN13T-36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
327	9664	Bùi Văn Hiếu	30/11/2002	ĐCN13T-36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
328	9678	Hồ Phi Hùng	22/09/2001	ĐCN13T-36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
329	9663	Hoàng Minh Khánh	03/06/2002	ĐCN13T-36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	

TT	MÃ HSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TÊN ĐỐI TƯỢNG	Miễn giảm (%)	GHI CHÚ
330	9660	Vương Vĩnh Kiệt	28/04/2002	ĐCN13T-36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
331	9655	Nguyễn Quang Linh	24/02/2002	ĐCN13T-36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
332	9670	Huỳnh Công Mậu	30/08/2002	ĐCN13T-36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
333	9674	Nguyễn Văn Minh	06/01/2002	ĐCN13T-36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
334	9677	Trần Thị Kim Ngân	03/11/2002	ĐCN13T-36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
335	9658	Đỗ Đức Quang	20/12/2002	ĐCN13T-36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
336	9679	Phạm Thị Thoa	22/09/2001	ĐCN13T-36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
337	9659	Lê Hữu Tú	25/08/2002	ĐCN13T-36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
338	9681	Nguyễn Thị Xuân Thủy	29/03/2002	ĐCN13T-36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
339	9684	Nguyễn Mạnh Hùng	22/12/2002	ĐCN13T-36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
340	9680	Nguyễn Vũ Linh Chi	26/10/2002	KTD13T-36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
341	9682	Hà Mỹ Huyền	25/05/2002	KTD13T-36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
342	9683	Trần Thế Dương	15/01/2002	KTD13T-36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
343	9686	Trần Thị Thanh Huyền	31/07/1999	KTD13T-36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
344	9600	Nguyễn Ngọc Bình	31/12/2002	ĐCN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
345	9605	Nguyễn Văn Dũng	11/07/2002	ĐCN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
346	9607	Trương Văn Hiếu	24/12/2002	ĐCN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
347	9613	Chu Đức Hoàng	16/10/2002	ĐCN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
348	9617	Dương Quang Dũng	23/05/2002	ĐCN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
349	9618	Chu Văn Minh	14/09/2002	ĐCN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
350	9622	Nguyễn Thế Đức	19/08/2002	ĐCN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
351	9624	Hà Kỳ Hiệp	08/08/2002	ĐCN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
352	9627	Nguyễn Duy Tân	11/10/2002	ĐCN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
353	9629	Mai Đình Sơn	10/10/2002	ĐCN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
354	9633	Đào Văn Đức	13/04/2002	ĐCN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
355	9634	Phạm Thanh Trúc	30/08/2002	ĐCN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
356	9638	Nguyễn Huy Dũng	01/03/2002	ĐCN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
357	9641	Vũ Trung Kiên	01/10/2002	ĐCN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
358	9642	Nguyễn Mạc Hiếu	05/09/2001	ĐCN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
359	9643	Nguyễn Ngọc Hiếu	10/08/2002	ĐCN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
360	9645	Đỗ Đức Việt	02/01/2002	ĐCN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
361	9648	Phạm Thế Duyệt	12/08/2002	ĐCN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
362	9652	Vũ Đình Hải	28/04/2002	ĐCN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
363	9653	Đỗ Tiến Thành	17/10/2002	ĐCN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
364	9684	Nguyễn Hoàng Nhất	12/02/2002	ĐCN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
365	9685	Đào Văn Nguyên	16/07/2002	ĐCN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
366	9686	Nguyễn Thị Hà	25/12/2002	ĐCN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
367	9687	Đào Văn Đạt	13/11/2002	ĐCN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
368	9694	Đào Văn Công	15/10/2002	ĐCN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
369	9696	Trần Văn Lâm	28/08/2002	ĐCN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
370	9697	Nguyễn Văn Mạnh	16/10/2002	ĐCN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
371	9650	Nguyễn Đức Dương	09/08/2001	ĐCN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
372	9601	Nguyễn Quốc Bảo	11/11/2002	HÀN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
373	9603	Phạm Văn Thịnh	01/01/2002	HÀN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
374	9608	Nguyễn Vương Anh	16/04/2002	HÀN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
375	9611	Vũ Đức Anh	31/12/2002	HÀN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
376	9612	Đinh Văn Đạt	22/12/2002	HÀN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
377	9615	Lê Đức Huy	05/12/2002	HÀN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	

TT	MÃ HSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TÊN ĐỐI TƯỢNG	Miễn giảm (%)	GHI CHÚ
378	9620	Bùi Quang Hiền	20/11/2002	HÀN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
379	9654	Lưu Đức Hải	29/06/2002	HÀN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
380	9690	Phạm Thành Trung	26/11/2002	HÀN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
381	9691	Nguyễn Hoàng Anh	16/07/2002	HÀN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
382	9698	Phạm Văn Hoàng	26/09/2002	HÀN13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
383	9602	Nguyễn Thanh Huyền	14/11/2002	KTD13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
384	9606	Nguyễn Thị Nhung	26/09/2002	KTD13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
385	9609	Đoàn Thị Thu	02/12/2002	KTD13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
386	9610	Nguyễn Thị Nga	26/01/2002	KTD13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
387	9626	Nguyễn Quốc Hưng	10/02/2000	KTD13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
388	9631	Trần Thị Anh Thư	20/09/2002	KTD13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
389	9632	Phạm Thị Xuân Trà	04/05/2002	KTD13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
390	9647	Nguyễn Thị Thu Hà	16/09/2002	KTD13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
391	9649	Hoàng Thị Hằng	28/06/2002	KTD13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
392	9688	Nguyễn Trường Giang	21/02/2002	KTD13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
393	9692	Nguyễn Thị Tuyết	01/10/2002	KTD13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
394	9693	Nguyễn Thị Thúy Anh	30/10/2002	KTD13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
395	9699	Lê Phương Trang	20/06/2002	KTD13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
396	9700	Lê Thị Thúy	06/10/2002	KTD13T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	

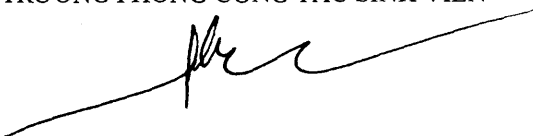
KHÓA 12

397	9400	Dương Hoàng Nam	10/01/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
398	9401	Dương Quang Tuấn	02/06/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
399	9403	Nguyễn Quang Anh	21/07/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
400	9404	Trần Ngọc Tân	05/12/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
401	9406	Dương Tùng Lâm	22/04/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
402	9409	Đỗ Xuân Lân	10/12/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
403	9410	Phạm Văn Lộc	24/08/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
404	9411	Đào Văn Hưng	20/07/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
405	9412	Lê Văn Toàn	09/10/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
406	9413	Lê Minh Mạnh	20/08/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
407	9414	Đào Đức Long	21/11/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
408	9415	Nguyễn Đình Khái	29/10/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
409	9416	Nhữ Tuấn Anh	31/05/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
410	9419	Nguyễn Thành Luân	29/01/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
411	9420	Nguyễn Phú Đức	11/09/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
412	9421	Lưu Tiến Toàn	24/08/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
413	9423	Đinh Thị Thủy	20/04/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
414	9424	Lại Văn Tuyên	08/01/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
415	9426	Nguyễn Nam Hải	05/07/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
416	9428	Nguyễn Đức Mạnh	29/11/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
417	9429	Phạm Trung Kiên	27/05/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
418	9432	Lê Văn Biền	01/03/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
419	9433	Nguyễn Văn Thuật	26/08/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
420	9435	Nguyễn Thanh Tùng	14/09/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
421	9436	Vũ Văn Quang	28/04/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
422	9438	Hoàng Đình Huy	12/12/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
423	9443	Dương Minh Hoàng	13/08/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
424	9448	Hà Văn Dương	30/11/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	

TT	MÃ HSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TÊN ĐỐI TƯỢNG	Miễn giảm (%)	GHI CHÚ
425	9454	Nguyễn Đức Lương	23/10/2001	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
426	9475	Phạm Văn Hải	15/11/2000	ĐCN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
427	9405	Phạm Minh Quyết	21/07/2001	HAN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
428	9418	Chu Đức Chiến	13/07/2001	HAN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
429	9441	Trần Văn Được	29/09/2001	HAN12T - 36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
430	9402	Lê Thị Vân Anh	20/06/2001	KTD12T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
431	9417	Hoàng Minh Thùy	27/07/2001	ĐCN12T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
432	9427	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	27/05/2001	KTD12T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
433	9437	Lê Thị Kim Thoa	18/05/2001	KTD12T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
434	9451	Nguyễn Thị Thu Hoài	05/10/2001	KTD12T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
435	9476	Nguyễn Đại Tây Dương	02/04/2001	KTD12T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
436	9442	Lê Hoàng Long	17/10/2001	CG12T-36	TN THCS học trung cấp nghề	100	
437	9497	Bùi Xuân Ái	14/10/2001	ĐCN12T - 36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
438	9475	Vũ Thị Vân Anh	14/11/2001	ĐCN12T - 36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
439	9481	Phạm Hoàng Anh	23/02/2000	ĐCN12T - 36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
440	9488	Phạm Thị Minh Anh	23/03/2001	ĐCN12T - 36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
441	9490	Lê Tường Hải	16/11/2001	ĐCN12T - 36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
442	9477	Nguyễn Thị Hiền	13/01/2001	ĐCN12T - 36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
443	9483	Hà Thị Hương	25/10/2001	ĐCN12T - 36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
444	9480	Phạm Hữu Huy	27/03/2001	ĐCN12T - 36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
445	9478	Hoàng Lê Lâm	01/10/2001	ĐCN12T - 36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
446	9502	Nguyễn Phương Nam	06/07/2001	ĐCN12T - 36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
447	9489	Hoàng Văn Ngọc	06/08/2001	ĐCN12T - 36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
448	9503	Dương Thị Thu Phương	08/06/2001	ĐCN12T - 36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
449	9499	Nguyễn Đình Thạch	01/09/2001	ĐCN12T - 36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
450	9482	Đặng Thị Thảo	15/01/2001	ĐCN12T - 36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
451	9494	Vũ Thị Thùy	27/05/2001	ĐCN12T - 36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
452	9485	Đặng Thị Thủy	08/08/2001	ĐCN12T - 36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
453	9492	Lê Sỹ Tuấn	11/11/2001	ĐCN12T - 36A	TN THCS học trung cấp nghề	100	
454	9457	Lê Văn Thái	22/10/1996	ĐKT12C	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
455	9458	Phùng Văn Long	04/06/1998	ĐKT12C	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
456	9464	Quách Bá Duy	10/02/1996	ĐKT12C	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
457	9453	Đặng Tuấn Hiệp	08/12/1998	MKT12C	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
458	9462	Lương Trung Anh	03/03/1993	MKT12C	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
459	9465	Bùi Đức Vương	18/05/1998	MKT12C	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	
460	9400	Đỗ Anh Ngọc	25/05/1996	MKT12C	Nghề nặng nhọc, độc hại	70	

* Ghi chú: 05 tháng/ kỳ học

Hải Phòng, Ngày 31/10/2018
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN


Th.S Trương Công Mỹ